

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông
ng nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND.HC ngày /3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Thanh Bình, đảm bảo theo đúng đồ án đã phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Thanh Bình quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy hoạch nông thôn trên địa bàn huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-UBND.HC ngày / /2023 và tuân thủ theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới

1. Phạm vi:

Toàn bộ ranh giới hành chính của huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp: huyện Tam Nông và Huyện Hồng Ngự.
- Phía Nam giáp: huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (ranh giới là sông Tiền).
- Phía Đông giáp: huyện Cao Lãnh.
- Phía Tây giáp: các huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (ranh giới là sông Tiền).

3. Quy mô dân số:

Dự báo dân số toàn vùng huyện:

- Đến năm 2025 khoảng 145.000 – 150.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 45.000 – 48.000 người, dân số nông thôn khoảng 100.000 – 102.000 người.

- Đến năm 2030 khoảng 158.000 – 162.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 90.000 – 92.000 người, dân số nông thôn khoảng 68.000 – 70.000 người.

- Đến năm 2040 khoảng 182.000 – 187.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 110.000 – 114.000 người, dân số nông thôn khoảng 72.000 – 73.000 người.

- Tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 190.000 – 195.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 116.000 – 120.000 người, dân số nông thôn khoảng 74.000 – 75.000 người.

4. Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

4.1. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị

- Giai đoạn đến năm 2025: 864 – 960ha.
- Giai đoạn đến năm 2030: 1.656 – 1.840ha.
- Giai đoạn đến năm 2040: 2.052 – 2.280ha.
- Tầm nhìn đến năm 2050: 2.160 – 2.400ha.

4.2. Dự báo đất xây dựng khu dân cư nông thôn

- Giai đoạn đến năm 2025: 1.530 – 2.040ha.
- Giai đoạn đến năm 2030: 1.050 – 1.400ha.
- Giai đoạn đến năm 2040: 1.095 – 1.460ha.
- Tầm nhìn đến năm 2050: 1.125 – 1.500ha.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

- Thị trấn Thanh Bình: là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của huyện Thanh Bình; Trung tâm thương mại, dịch vụ - du lịch; Định hướng là đô thị loại IV giai đoạn 2026-2030.

- Đô thị Tân Thạnh: là đô thị công nghiệp gắn với cụm công nghiệp Tân Thạnh. Định hướng là đô thị loại V giai đoạn 2026-2030.

- Đô thị Bình Thành: là đô thị công nghiệp đa ngành, chế biến thủy sản, hàng nông sản địa phương. Định hướng là đô thị loại V giai đoạn 2021-2025.

- Đô thị An Phong: đô thị dịch vụ ven sông Tiền. Định hướng là đô thị loại V giai đoạn 2026-2030.

- Đô thị Tân Mỹ: đô thị công nghiệp - dịch vụ. Định hướng là đô thị loại V giai đoạn 2026-2030.

2. Quy định quản lý các xã nông thôn

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo hướng “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

- Giai đoạn đến cuối năm 2025: Hoàn thành quá trình xây dựng xã nông thôn mới, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đối với xã nông thôn mới, lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm xây dựng mô hình xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Giai đoạn 2022 – 2025 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn mới kiểu nâng cao. Phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 đưa huyện Thanh Bình trở thành huyện nông thôn mới nâng cao.

Điều 5. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về các công trình hạ tầng xã hội

- Công trình hành chính: các trung tâm hành chính cấp huyện, xã, thị trấn cần tiếp tục duy trì hoạt động tại khu vực hiện tại; Nâng cấp một số trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo kế hoạch được phân bổ hàng năm; Việc đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan, khu trung tâm hành chính tập trung cần tuân thủ theo quy hoạch chung của từng khu vực cụ thể (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung các xã).

- Công trình y tế: xây dựng mạng lưới công trình y tế huyện theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế. Xây dựng Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia, từng bước cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế cấp xã.

- Công trình giáo dục: xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học theo tiêu chuẩn chung, nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục; Các trường trung học phổ thông đảm bảo bán kính phục vụ được tính toán theo 3 cụm xã đảm bảo phục vụ cho quy mô dân số $\geq 20.000 - 35.000$ người (2 – 3 đơn vị xã/thị trấn).

- Công trình thương mại, dịch vụ: duy trì hoạt động các chợ xã, thị trấn, có kế hoạch xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ và các loại hình dịch vụ gắn với chợ, từng bước hình thành các khu vực tập kết, sơ chế, phân loại và bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ. Khai thác hợp lý và hiệu quả các khu du lịch, đồng thời với việc phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Công trình nhà ở: phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với Chương trình phát triển nhà của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1365/QĐ-UBND.HC ngày 10/9/2021.

2. Quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật

2.1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

Chỉ giới xây dựng các tuyến đường trong khu đô thị và thị trấn Thanh Bình sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án quy hoạch tuân theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.2. Giao thông

a) Giao thông đường bộ

- Giao thông liên vùng: các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện phải có tính kết nối liên vùng.

- Giao thông đô thị: các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển hoạch phát triển có tính động lực.

- Giao thông nông thôn: đảm bảo lộ giới và đặc tính kỹ thuật theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông và Vận tải về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

- Các tuyến giao thông đường bộ cụ thể như sau:

+ Tuyến Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh quy mô thiết kế 6 làn xe.

+ Quốc lộ 30 nâng cấp, mở rộng đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, quy mô 4 làn xe, lộ giới 32m.

- + Đường song song Quốc lộ 30 quy hoạch đạt đường cấp III đồng bằng, lộ giới 48m.
- + Các tuyến đường tỉnh hiện hữu, quy hoạch nâng cấp gồm có ĐT.843, ĐT.855, ĐT.857 quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, lộ giới 48m.
- + Các tuyến đường huyện hiện hữu, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới: quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, lộ giới 35,0m.
- + Đường đô thị thực hiện theo quy hoạch các đô thị.
- + Đường giao thông nông thôn sẽ nâng cấp thành đường cấp V, cấp VI đồng bằng.

b) Giao thông đường thủy, cầu, cảng và bến thủy

Được quy định quản lý theo Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Gồm có:

- Giao thông đường thủy
 - + Sông Tiên là tuyến đường thủy Quốc gia cấp đặc biệt, có bề rộng trung bình 510 - 2000m.
 - + Kênh An Phong – Mỹ Hòa, Kênh 2 tháng 9, Kênh Kháng Chiến, Kênh Đường Gạo.
 - + Các kênh rạch trên địa bàn huyện Thanh Bình là kênh cấp IV, được nối thông với các kênh trục, phân bố đều trên khắp địa bàn, rất thuận lợi cho vận tải đường thủy.
- Cầu: Giai đoạn dài hạn xây dựng cầu kết nối QL.30C và QL.80C (tỉnh An Giang) để tạo liên kết vùng giữa huyện và các tỉnh lân cận. Bố trí điểm xuống các xã cù lao tại đường huyện Cù lao Tây.
- Cảng, Bến thủy:
 - + Cảng: xây dựng cảng trên sông Tiên phục vụ khu công nghiệp tại xã Tân Thạnh. Giai đoạn dài hạn đề xuất xây dựng hệ thống cảng tổng hợp hàng hóa và du lịch tại khu vực xã Tân Bình.
 - + Bến thủy: Bến phà Thanh Bình – Chợ Thủ, vị trí xã Tân Thạnh; Bến phà An Phong - Tân Bình, vị trí xã An Phong – xã Tân Bình; Bến phà An Long – Tân Quới, vị trí xã Tân Quới; Bến phà Tân Hoà – Phú An, vị trí xã Tân Hoà; Bến đò Doi Lửa, vị trí xã Tân Thạnh; Bến đò Tân Hưng, vị trí xã Tân Huệ; Bến đò Bình Thành – Mỹ Hiệp, vị trí xã Bình Thành.

c) Bến xe

- Quy định và quản lý theo Thông tư 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Quy hoạch mới 01 bến xe tại trung tâm thị trấn Thanh Bình trên đường ĐT.843 (Võ Văn Kiệt), diện tích từ 1,2 - 1,5ha; Bến xe loại IV.

d) Giao thông công cộng

- Tuyến xe buýt Hồng Ngự – Thanh Bình – TP. Cao Lãnh.
- Đề xuất mở mới tuyến xe buýt kết nối xã An Phong đi khu di tích Gò Tháp, huyện Đồng Tháp Mười, theo tuyến đường ĐT.857.

2.3. Quy định quản lý về cao độ nền xây dựng và thoát nước mặt

- Cao độ nền xây dựng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên và các quy hoạch xây dựng có liên quan, đảm bảo tránh bị ngập lụt do mưa lũ, triều cường và tạo điều kiện thoát nước tốt cho các khu chức năng.
- Quy hoạch cao độ nền xây dựng là $H_{xd} \geq +4,70$ so với cao độ Hòn Dấu.
- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ Quốc gia.
- Các khu vực xây dựng mới: xây dựng hệ thống thoát nước riêng.
- Các điểm dân cư quy mô nhỏ tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng hay chung nhưng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

2.4. Quy định đối với hệ thống cấp nước

- Nâng cấp mở rộng nhà máy nước Thanh Bình lên 5.000m³/ngđ, khai thác từ nước mặt sông Tiền.
- Bổ sung thêm nguồn nước từ nhà máy nước Đông Bình, thành phố Cao Lãnh và nhà máy nước Hồng Ngự, thành phố Hồng Ngự nhằm đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho các khu đô thị, công nghiệp.

Dự kiến xây dựng nhà máy cấp nước cho khu vực Cù lao Tây với công suất 4.000m³/ngđ, khai thác nước mặt sông Tiền cấp nước cho dân cư khu vực cù lao.

- Nguồn nước khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2.5. Quy định đối với hệ thống thoát nước thải và bảo vệ môi trường

- Công trình thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải, công trình đầu mối thoát nước thải phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT mới được xả ra môi trường.

- Xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom vận chuyển đến nhà máy xử lý rác của tỉnh.

2.6. Quy định đối với hệ thống cấp điện

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV theo Quyết định số 2877/QĐ-BCT ngày 15/8/2018 của Bộ Công thương.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp điện, hệ thống lưới điện 110kV và 22kV đáp ứng yêu cầu cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu sử dụng điện trên toàn huyện.

2.7. Quy định đối với hệ thống thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, phù hợp Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND-HC ngày 22/10/2015.

- Công trình đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, cáp quang đến 100% xã, cụm xã. Phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

Điều 6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

1.1. Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16 -26%. Cụ thể tỷ lệ đối với các đô thị loại IV, loại V từ 16 – 18%.

Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.2. Đối với đường bộ:

Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông.

1.4. Đối với đường thủy:

Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Nguồn cấp nước cho huyện Thanh Bình là nguồn nước mặt, nguồn nước khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ trạm cấp nước, nhà máy xử lý nước thải: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2021/BXD.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra kênh, rạch. Trong các khu, cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa:

Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở khu trung tâm và các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo:

Tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ số tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

3.5. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các công trình đầu mối: trục kênh dẫn, cống qua kênh rạch, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn.

3.6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD – Công trình thoát nước.

3.7. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

4.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

4.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

5.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ theo Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về việc xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

5.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD – Công trình nghĩa trang.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

6.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

6.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu dùng điện hiện tại và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

6.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

6.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5/2016/BXD – Công trình cấp điện.

6.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin liên lạc

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVC 07-8:2016/BXD – Công trình Viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

Điều 7. Quy định về bảo vệ môi trường

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Các dự án nằm trong danh mục Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan khu vực ven biển, kênh, rạch, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng

- Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

- Giữ gìn và tôn tạo các khu vực di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị, kêu gọi đầu tư xây dựng gắn với khai thác du lịch và quảng bá văn hóa, truyền thống địa phương.

- Các di tích đã được xếp hạng, di tích chưa xếp hạng nhưng đã được đăng ký trong danh mục các di tích của tỉnh, phải được bảo vệ nguyên trạng. Khi tổ chức, cá nhân phát hiện di tích có dấu hiệu xuống cấp hoặc bị xâm hại, kịp thời thông báo cho đơn vị trực tiếp quản lý di tích hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện nơi có di tích đó.

- Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải đảm bảo nguyên tắc: Tuân thủ theo các quy định của Luật Di sản Văn hóa và các quy định liên quan, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, phù hợp giữa bảo tồn và phát triển. Chỉ được tiến hành tu bổ và phục hồi di tích trong trường hợp cần thiết, đảm bảo giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích, đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan. Sửa chữa, tu bổ, tôn tạo nhỏ hoặc bài trí, trưng bày, thay đổi, bổ sung hiện vật tại di tích không được làm ảnh hưởng yếu tố gốc cấu thành di tích và cảnh quan môi trường, không gian văn hóa của di tích và phải có sự hướng dẫn về chuyên môn.

- Thực hiện nếp sống văn hóa tại các điểm di tích; các tập thể, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan môi trường di tích xanh - sạch - đẹp; đảm bảo an ninh trật tự tại di tích.

- Đối với các di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác có liên quan.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác xã hội hóa trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Thanh Bình phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 10. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng, phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 11. Quy định này được ấn hành và lưu giữ cùng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại Quyết định số...../QĐ-UBND.HC ngày/...../2023 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo.

- Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình;

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn huyện Thanh Bình.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn